BAO AN AUTOMATION

BAC-Fastener-2021-01

CUP

Vít trí lục giác đầu lõm

DIN

- Vít trí lục giác chìm đầu lõm seri CUP được sản xuất từ các vật liệu như thép không gỉ 201,304, 316 hay thép carbon sau đó mạ kẽm hoặc mạ niken.... Tùy vào môi trường làm việc hay yêu cầu mà người ta lựa chọn loại phù hợp.

-Vít trí loại này có cấu tạo rất đơn giản chỉ gồm một thanh hình trụ tròn có tiện ren suốt từ đầu đến cuối, đầu vít là lục giác chìm, đầu còn lại là đầu lõm.

-Vít trí lục giác chìm đầu lõm là một loại vít được sử dụng rộng rãi trong ngành cơ khí chế tạo máy, chế tạo phương tiện như: ô tô, xe máy, hay bất cứ thiết kế nào trong các công cụ.

- Lục lăng là dụng cụ không thể thiếu khi tháo - vặn vít trí.

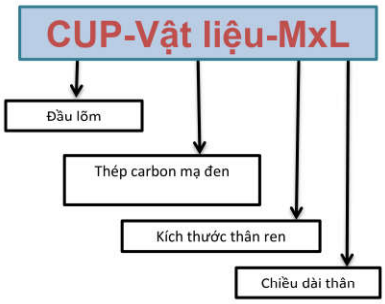

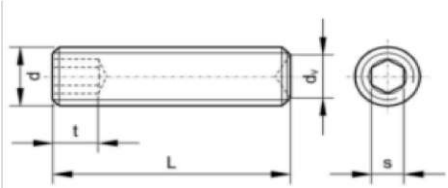

Vật liệu : Inox 304			Dải đường kính M3-M24	
Ví dụ mã : CUP-304-M2x2			*Đơn vị tính : mm*	
Kích thước thân ren	**Chiều dài thân (L)**	**Bước ren**	**Chiều rộng lục giác (s)**	**Kích thước (dv)**
M2	2	0.4	0.9	1.0
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
M2.5	2	0.45	1.3	1.2
	2.5			
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
M3	3	0.5	1.5	1.4
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
	20			
M4	4	0.7	2.0	2.0
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
M5	4	0.8	2.5	2.5
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			

Vật liệu : Inox 201			Dải đường kính M3-M24	
Ví dụ mã : CUP-201-M2x2			*Đơn vị tính : mm*	
Kích thước thân ren	**Chiều dài thân (L)**	**Bước ren**	**Chiều rộng lục giác (s)**	**Kích thước (dv)**
M2	2	0.4	0.9	1.0
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
M2.5	2	0.5	1.3	1.2
	2.5			
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
M3	3	0.5	1.5	1.4
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
	20			
M4	4	0.7	2.0	2.0
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
M5	4	0.8	2.5	2.5
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			

Material:BO-Steel carbon black oxit			Dải đường kính M3-M24	
Ex model : CUP-BO-M2x2			*Đơn vị tính : mm*	
Kích thước thân ren	**Chiều dài thân (L)**	**Bước ren**	**Chiều rộng lục giác (s)**	**Kích thước (dv)**
M2	2	0.4	0.9	1.0
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
M2.5	2	0.5	1.3	1.2
	2.5			
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
M3	3	0.5	1.5	1.4
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
	20			
M4	4	0.7	2.0	2.0
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
M5	4	0.8	2.5	2.5
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			

Vật liệu : Inox 304			Dải đường kính M3-M24	
Ví dụ mã : CUP-304-M6x6			Đơn vị tính : mm	
Kích thước thân ren	Chiều dài thân (L)	Bước ren	Chiều rộng lục giác (s)	Kích thước (dv)
M6	6	1	3	3
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	40			
	50			
M8	6	1.25	4	5
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M10	10	1.5	5	6
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M12	10	1.75	6	8
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M14	20	2	6	9
	30			
	40			
	50			
M16	20	2	8	10
	30			
	40			
	50			
	60			
M18	20	2.5	10	12
	30			
	40			
	45			
	55			
M20	20	2.5	10	14
	30			
	40			
	50			
	60			
M24	30	3	12	16
	40			
	50			
	60			
	80			

Vật liệu : Inox 201			Dải đường kính M3-M24	
Ví dụ mã : CUP-201-M6x6			Đơn vị tính : mm	
Kích thước thân ren	Chiều dài thân (L)	Bước ren	Chiều rộng lục giác (s)	Kích thước (dv)
M6	6	1	3	3
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	40			
	50			
M8	6	1.25	4	5
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M10	10	1.5	5	6
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M12	10	1.75	6	8
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M14	20	2	6	9
	30			
	40			
	50			
M16	20	2	8	10
	30			
	40			
	50			
	60			
M18	20	2.5	10	12
	30			
	40			
	45			
	55			
M20	20	2.5	10	14
	30			
	40			
	50			
	60			
M24	30	3	12	16
	40			
	50			
	60			
	80			

Material:BO-Steel carbon black oxit			Dải đường kính M3-M24	
Ex model : CUP-BO-M6x6			Đơn vị tính : mm	
Kích thước thân ren	Chiều dài thân (L)	Bước ren	Chiều rộng lục giác (s)	Kích thước (dv)
M6	6	1	3	3
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	40			
	50			
M8	6	1.25	4	5
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M10	10	1.5	5	6
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M12	10	1.75	6	8
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M14	20	2	6	9
	30			
	40			
	50			
M16	20	2	8	10
	30			
	40			
	50			
	60			
M18	20	2.5	10	12
	30			
	40			
	45			
	55			
M20	20	2.5	10	14
	30			
	40			
	50			
	60			
M24	30	3	12	16
	40			
	50			
	60			
	80			

Chú ý: Những yêu cầu không theo tiêu chuẩn về đường kính ren ,chiều dài như bảng trên, có thể đặt hàng theo yêu cầu. Vui lòng liên hệ nhân viên kinh doanh.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO AN
Địa chỉ đăng ký: Số 3A - Lý Tự Trọng - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng
Địa chỉ giao dịch: Khu dự án Vân Tra B – An Đồng – An Dương – Hải Phòng

Điện thoại: (84).0225.3797877/78/79 - Fax: (84).0225.3686182
Số ĐKKD/ MST: 0200682529
Số TK: 117 0026 73912 tại Ngân hàng ViettinBank Hải Phòng
Website: *https://baoanjsc.com.vn/* **Email:** *info@baoanjsc.com.vn*

BAO AN AUTOMATION

CUP

BAC-Fastener-2021-01

Hex socket set screws - Cup point

DIN

- Hex socket set screws - cup point CUP series are manufactured from materials such as 201,304, 316 stainless steel or carbon steel and then galvanized or nickel plated ... Depending on the working environment or requirements that people choose the right type.
-Hex socket set screws - cup point has a very simple structure, consisting of only a cylindrical bar with a threaded turn from the beginning to the end, the screw head is submerged hexagon, the other end is concave head.
- Hex socket set screw is a type of screw widely used in mechanical engineering, vehicle manufacturing such as cars, motorcycles, or any design in tools.
- The hexagon is an indispensable tool when removing - screwing this hex socket set screw

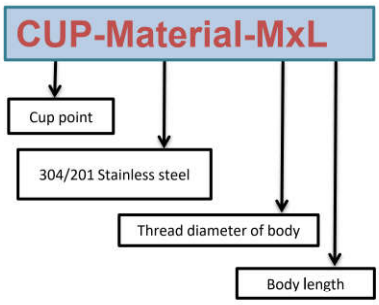

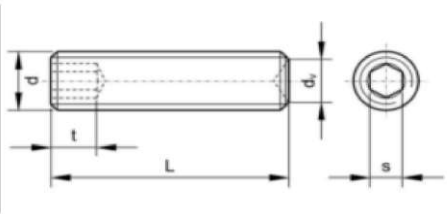

Material: 304 stainless steel			Diameter range M3-M24	
Ex model : CUP-304-M2x2			Unit : mm	
Thread diameter of body	Body length (L)	Pitch	Hexagon size (s)	Dimention (dv)
M2	2	0.4	0.9	1.0
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
M2.5	2	0.45	1.3	1.2
	2.5			
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
M3	3	0.5	1.5	1.4
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
	20			
M4	4	0.7	2.0	2.0
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
M5	4	0.8	2.5	2.5
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			

Material: 201 stainless steel			Diameter range M3-M24	
Ex model : CUP-201-M2x2			Unit : mm	
Thread diameter of body	Body length (L)	Pitch	Hexagon size (s)	Dimention (dv)
M2	2	0.4	0.9	1.0
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
M2.5	2	0.5	1.3	1.2
	2.5			
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
M3	3	0.5	1.5	1.4
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
	20			
M4	4	0.7	2.0	2.0
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
M5	4	0.8	2.5	2.5
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			

Material: BO-Carbon steel black oxit			Diameter range M3-M24	
Ex model : CUP-BO-M2x2			Unit : mm	
Thread diameter of body	Body length (L)	Pitch	Hexagon size (s)	Dimention (dv)
M2	2	0.4	0.9	1.0
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
M2.5	2	0.5	1.3	1.2
	2.5			
	3			
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
M3	3	0.5	1.5	1.4
	4			
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	14			
	16			
	20			
M4	4	0.7	2.0	2.0
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
M5	4	0.8	2.5	2.5
	5			
	6			
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			

Material: 304 stainless steel			Diameter range M2-M24	
Ex model : CUP-304-M6x6			Unit : mm	
Thread diameter of body	Body length (L)	Pitch	Hexagon size (s)	Dimention (dv)
M6	6	1	3	3
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	40			
	50			
M8	6	1.25	4	5
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M10	10	1.5	5	6
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M12	10	1.75	6	8
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M14	20	2	6	9
	30			
	40			
	50			
M16	20	2	8	10
	30			
	40			
	50			
	60			
M18	20	2.5	10	12
	30			
	40			
	45			
	55			
M20	20	2.5	10	14
	30			
	40			
	50			
	60			
M24	30	3	12	16
	40			
	50			
	60			
	80			

Material: 201 stainless steel			Diameter range M3-M12	
Ex model : CUP-201-M6x6			Unit : mm	
Thread diameter of body	Body length (L)	Pitch	Hexagon size (s)	Dimention (dv)
M6	6	1	3	3
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	40			
	50			
M8	6	1.25	4	5
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M10	10	1.5	5	6
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M12	10	1.75	6	8
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M14	20	2	6	9
	30			
	40			
	50			
M16	20	2	8	10
	30			
	40			
	50			
	60			
M18	20	2.5	10	12
	30			
	40			
	45			
	55			
M20	20	2.5	10	14
	30			
	40			
	50			
	60			
M24	30	3	12	16
	40			
	50			
	60			
	80			

Material: BO-Carbon steel black oxit			Diameter range M3-M16	
Ex model : CUP-BO-M6x6			Unit : mm	
Thread diameter of body	Body length (L)	Pitch	Hexagon size (s)	Dimention (dv)
M6	6	1	3	3
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	40			
	50			
M8	6	1.25	4	5
	8			
	10			
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M10	10	1.5	5	6
	12			
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M12	10	1.75	6	8
	16			
	20			
	25			
	30			
	35			
	40			
	50			
M14	20	2	6	9
	30			
	40			
	50			
M16	20	2	8	10
	30			
	40			
	50			
	60			
M18	20	2.5	10	12
	30			
	40			
	45			
	55			
M20	20	2.5	10	14
	30			
	40			
	50			
	60			
M24	30	3	12	16
	40			
	50			
	60			
	80			

Note: Requirements for thread diameter of body, body length that are not same the table above can be ordered on request. Please contact sales staff.

BAO AN TECHNIQUE SERVICE JOINT STOCK COMPANY
Registered address: 3A Ly Tu Trong street, Minh Khai ward, Hong Bang district, Hai Phong city, Viet Nam
Factory and office address: Van Tra B, An Dong commune, An Duong district, Hai Phong city, Viet Nam

Telephone: (84).0225.3797877/78/79 - **Fax:** (84).0225.3686182
Business registration number/ Tax identification number: 0200682529
Account number: 117 0026 73912 at ViettinBank Hai Phong
Website: https://baoanjsc.com.vn/ **Email:** info@baoanjsc.com.vn